

Số: 41 /BNV-CCHC

V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm
để xác định Chỉ số CCHC cấp bộ

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2017



Kính gửi: Các bộ, cơ quan ngang bộ

Thực hiện Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Quyết định số 4361/QĐ-BNV), Bộ Nội vụ hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ) về việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (gọi tắt là Chỉ số CCHC) cấp bộ hàng năm như sau:

1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được, các bộ tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục 1 (gửi kèm theo).

- Không tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC đánh giá qua điều tra xã hội học và TCTP 1.2.2 quy định tại Bảng 1 kèm theo Quyết định số 4361/QĐ-BNV.

- Khi các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục 1 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của bộ phải gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục 1, các bộ có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng, yêu cầu các bộ giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm.

- Tài liệu kiểm chứng được gửi đến Bộ Nội vụ bằng hình thức văn bản giấy (kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm) hoặc gửi bằng file điện tử (bản scan của văn bản giấy) vào địa chỉ email của Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (vucchc@moha.gov.vn). Việc sắp xếp các tài liệu kiểm chứng

phải bảo đảm tính khoa học, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, thẩm định.

3. Về báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các bộ

a) Nội dung báo cáo:

Sau khi tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP được liệt kê tại Phụ lục 1, các bộ xây dựng báo cáo gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp theo quy định. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC cần có các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của bộ theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 2;

+ Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm để phục vụ cho công tác thẩm định (bao gồm cả văn bản, do lãnh đạo bộ ký, giải trình về việc tự đánh giá, chấm điểm đối với những TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng);

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

b) Thời gian gửi báo cáo:

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các bộ phải do lãnh đạo bộ phê duyệt và gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất là ngày 15 tháng 02 hàng năm để tổng hợp. Riêng năm 2017, thời gian báo cáo thực hiện theo Quyết định số 4373/QĐ-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Về kinh phí triển khai

Đề nghị các bộ quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ xác định Chỉ số CCHC hàng năm thuộc phạm vi trách nhiệm của bộ.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ phản ánh về Bộ Nội vụ để kịp thời giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Ông Phùng Doãn Hưng, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ; điện thoại: 0982627828; email: phungdoanhung@moha.gov.vn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Các bộ, cơ quan: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ (để phối hợp TH);
- Lưu: VT, CCHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Thừa

Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

(Kèm theo Công văn số 41 BNV-CCHC ngày 06/01/2017 của Bộ Nội vụ)

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu kế hoạch CCHC của bộ ban hành trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch (gọi tắt là năm ban hành);- Nếu đến ngày 31 tháng 12 của năm ban hành, Bộ Nội vụ nhận được kế hoạch CCHC của bộ bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (bản scan của văn bản bản giấy hoặc tệp tin được xác thực chữ ký số), thì điểm đánh giá là 0,5. Nếu đến thời điểm trên, Bộ Nội vụ chưa nhận được Kế hoạch CCHC của bộ, thì điểm đánh giá là 0.
2.	TCTP 1.1.2 - Chất lượng Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm.- Nếu chất lượng kế hoạch đạt như yêu cầu thì điểm đánh giá là 0,5; không đạt như yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.
3.	TCTP 1.1.3 - Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo CCHC năm;- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none">- 100% thì điểm đánh giá là 1;- Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5;- Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25;- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
4.	TCTP 1.2.1 - Báo cáo CCHC định kỳ	Các Báo cáo CCHC định kỳ	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu:+ Số lượng báo cáo: Có đầy đủ 04 báo cáo theo quy định.+ Nội dung báo cáo: Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định.+ Tất cả báo cáo phải được gửi đến Bộ Nội vụ đúng thời hạn theo quy

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			định của từng loại báo cáo (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử). - Nếu công tác báo cáo của bộ: Đáp ứng đủ tất cả các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 1; không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.
5.	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (<i>Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương</i>) được kiểm tra trong năm	Các thông báo kết luận kiểm tra.	Tính tỷ lệ % số cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc bộ được nêu trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.
6.	TCTP 1.3.2- Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
7.	TCTP 1.4.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
8.	TCTP 1.4.2 - Mức độ đa dạng trong tuyên truyền	- Các báo cáo CCHC	- Nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	CCHC	định kỳ; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	tin CCHC trên website của bộ; (3) Tuyên truyền CCHC trên phát thanh, truyền hình, thì điểm đánh giá là 0,5; - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi; tọa đàm; sân khấu hóa..., thì điểm đánh giá được cộng thêm là 0,5; - Nếu không thực hiện tuyên truyền về CCHC thì điểm đánh giá là 0.
9.	TC 1.5 - Sáng kiến trong cải cách hành chính	- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền; - Trường hợp có sáng kiến nhưng chưa được công nhận của cơ quan có thẩm quyền, đề nghị báo cáo Bộ Nội vụ để được xem xét, ghi nhận.	- Sáng kiến (của tập thể/cá nhân) trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai CCHC của bộ. - Sáng kiến có thể được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc được Bộ Nội vụ xem xét, ghi nhận. - Nếu có sáng kiến thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0.
10.	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm	- Báo cáo của bộ; - Báo cáo của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	Thống kê những nhiệm vụ có xác định thời hạn hoàn thành: - Nếu hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là 1,5; - Nếu hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ thì điểm đánh giá là 1; - Nếu hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là 0.
11.	TCTP 2.1.1 - Xây dựng VBQPPL trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt	- Chương trình xây dựng VBQPPL của bộ trong năm; - Báo cáo kết quả xây dựng VBQPPL;	Thống kê tổng số VBQPPL dự kiến ban hành trong năm (tất cả các VBQPPL do bộ tham mưu ban hành và ban hành theo thẩm quyền) và số VBQPPL đã được ban hành. Nếu tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành so với số VBQPPL dự kiến ban hành trong năm đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 2;

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
12.	TCTP 2.1.2 - Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp.	Thống kê tổng số VBQPPL đã được ban hành trong năm. Nếu 100 % số văn bản đã được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.
13.	TCTP 2.2.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của bộ	- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch;	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
14.	TCTP 2.2.2 - Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của bộ gửi Bộ Tư pháp (riêng Bộ Tư pháp đánh giá dựa trên báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ).	- Nội dung và thời gian báo cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ: Các bộ báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 10 hàng năm; Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm; - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
15.	TCTP 2.2.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật.	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
16.	TCTP 2.3.1 - Thực hiện công tác báo cáo hàng	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 3, Điều 170, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	VBQPPL của bộ	- Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm; - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng theo quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
17.	TCTP 2.3.2 - Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL - Các văn bản công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.	Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
18.	TCTP 2.4.1 - Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 3, Điều 135, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
19.	TCTP 2.4.2 - Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với văn bản trái pháp luật.	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản trái pháp luật đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra (không tính tự kiểm tra). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
20.	TCTP 2.5.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	- Kế hoạch thanh tra; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra	Nếu hoàn thành 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
21.	TCTP 2.5.2 Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra của bộ; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thực hiện đúng trình tự, thủ tục kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 1; nếu không thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 0.
22.	TCTP 3.1.1 - Tỷ lệ TTHC do bộ tham mưu ban hành được gửi lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình dự thảo theo quy định	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ	<p>Thống kê tổng số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ được ban hành trong năm. Nếu tỷ lệ % số TTHC đã được lấy ý kiến cơ quan kiểm soát TTHC trong quá trình dự thảo theo quy định so với tổng số TTHC được ban hành trong năm đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
23.	TCTP 3.1.2 - Tỷ lệ TTHC được ban hành trong năm đã được đánh giá tác động	- Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ	Thống kê tổng số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ được ban hành trong năm. Nếu 100 % số TTHC đã được đánh giá tác động trong quá trình dự thảo theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số TTHC thì điểm đánh giá là 0.
24.	TCTP 3.2.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC. 	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
25.	TCTP 3.2.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Các văn bản xử lý 	Tính tỷ lệ % giữa số TTHC đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số TTHC cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.	
26.	TCTP 3.3.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	Các quyết định công bố thủ tục hành chính	<p>- Yêu cầu: Các quyết định công bố TTHC được quy định trong VBQPPL về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ phải được ban hành chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.</p> <p>- Thống kê tổng số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ được ban hành trong năm. Nếu 100% số TTHC được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số TTHC được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0.</p>
27.	TCTP 3.3.2 - Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.	<p>- Yêu cầu: TTHC do bộ công bố và các văn bản quy định về TTHC phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC được cập nhật kịp thời so với tổng số TTHC do bộ công bố trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</p>
28.	TCTP 3.4.1 - Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	<p>- Yêu cầu niêm yết công khai đối với TTHC là phải đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng).</p> <p>- Nếu 100% số TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thì điểm đánh giá 1; dưới 100% số TTHC thì điểm đánh giá là 0.</p>
29.	TCTP 3.4.2 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	<p>- Yêu cầu công khai đối với TTHC là phải đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng).</p> <p>- Nếu 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/trang thông tin điện tử của bộ thì điểm đánh giá 1; dưới 100%</p>

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	thông tin điện tử của bộ		số TTHC thì điểm đánh giá là 0.
30.	TC 3.5 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ % này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1,5; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.
31.	TCTP 3.6.1 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.	- Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
32.	TCTP 3.6.2 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.	Tính tỷ lệ % giữa số PAKN đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
33.	TC 4.1 - Tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	Thống kê tổng số cơ quan, đơn vị được nêu trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ. Nếu 100 % số cơ quan, đơn vị được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ thì điểm đánh giá là 1,5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị được quy định đúng thì điểm đánh giá là 0.
34.	TCTP 4.2.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	- Thông báo kết luận kiểm tra - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Tính tỷ lệ % số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc bộ được nêu trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.
35.	TCTP 4.2.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận kiểm tra - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. 	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
36.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	Các văn bản do bộ tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
37.	TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận kiểm tra; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016. - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.
38.	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề 	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5;

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
39.	TCTP 5.1.1 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Báo cáo của bộ về việc bố trí công chức theo vị trí việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan, tổ chức hành chính của bộ phải thực hiện đúng các quy định sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí công chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. - Nếu tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số cơ quan, tổ chức hành chính của bộ đạt: <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
40.	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt danh mục vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập; - Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Báo cáo của bộ về việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ phải thực hiện đúng các quy định sau: <ul style="list-style-type: none"> + Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. - Nếu tỷ lệ % số đơn vị thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ đạt: <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
41.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (<i>Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương</i>) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.
42.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tuyển dụng viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không có đơn vị tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.
43.	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo thi nâng ngạch, người đủ điều kiện dự thi; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của bộ (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi nâng ngạch thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi gần nhất.
44.	TCTP 5.3.2 - Thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo thi/xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tổ chức thi/xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền phải tuân

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	<p>thăng hạng, người đủ điều kiện dự thi/xét;</p> <p>- Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi/xét thăng hạng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...).</p>	<p>thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- Trường hợp trong năm không tổ chức thi/xét thăng hạng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi/xét gần nhất.</p>
45.	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp vụ và tương đương	<p>- Các quyết định bổ nhiệm;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>	<p>- Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn và cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Thống kê tổng số lãnh đạo cấp vụ và tương đương được bổ nhiệm trong năm. Nếu 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>
46.	TC 5.5 - Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của bộ	<p>- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>
47.	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm	<p>- Kế hoạch năm về tinh giản biên chế;</p> <p>- Báo cáo năm về kết quả tinh giản biên chế.</p>	<p>- Yêu cầu: Các bộ xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong từng năm; gửi danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đến Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính đúng thời gian quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2015/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Nếu tỷ lệ % số người được phê duyệt tinh giản biên chế so với tổng số người dự kiến tinh giản biên chế theo kế hoạch đạt:</p> <p>+ 100% thì điểm đánh giá là 2;</p> <p>+ Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</p>

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
48.	TCTP 5.7.1 - Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ - Thời gian báo cáo: Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. . - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
49.	TCTP 5.7.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; - Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của bộ 	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
50.	TC 6.1 - Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
51.	TCTP 6.2.1 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính	Thống kê số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ. Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ đã triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
52.	TCTP 6.2.2 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính	Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp (đã triển khai cơ chế tự chủ) thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
53.	TCTP 7.1.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	- Kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ; - Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT của bộ	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0
54.	TCTP 7.1.2 - Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	- Nếu đã ban hành Kiến trúc và duy trì, cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 1; - Nếu đã ban hành Kiến trúc nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5; - Nếu chưa ban hành Kiến trúc thì điểm đánh giá là 0.
55.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Tính tỷ lệ % số văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử (chỉ tính văn bản đi) so với tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ ban hành trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 60% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.
56.	TCTP 7.1.4 - Áp dụng hình thức thi trên máy tính trong các kỳ thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ.	- Nếu đã áp dụng thì điểm đánh giá là 1; - Nếu chưa áp dụng thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp trong năm không tổ chức thi thì điểm đánh giá dựa vào kết quả tổ chức kỳ thi gần nhất.
57.	TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và	Tính tỷ lệ % giữa số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc so với tổng số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	Truyền thông.	- 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
58.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 3. Nếu tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm đạt: - Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 30% - dưới 40% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% hoặc chưa triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 3 thì điểm đánh giá là 0.
59.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 4. Nếu tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 4 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 10% - dưới 20% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 10% hoặc chưa triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 4 thì điểm đánh giá là 0.
60.	TCTP 7.2.3 - Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	- Yêu cầu: Thực hiện đúng các quy trình nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; chưa thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
61.	TCTP 7.3.1 - Công bố Hệ thống quản lý chất lượng	Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất	Nếu đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 để áp dụng tại cơ quan bộ (các vụ, Văn phòng

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 tại cơ quan bộ	lượng	bộ và Thanh tra bộ) thì điểm đánh giá là 0,5; chưa công bố thì điểm đánh giá là 0.
62.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ đã công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO tại đơn vị	Các quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng	<p>Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng so với tổng số cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và trung ương). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
63.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>- Yêu cầu: Thực hiện việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo đúng quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đánh giá đối với những cơ quan thuộc bộ đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng.</p> <p>- Nếu tỷ lệ % số cơ quan thực hiện đúng so với tổng số cơ quan đã công bố đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.



Phụ lục 2

MẪU BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Công văn số 41 /BNV-CCHC ngày 06/01/2017 của Bộ Nội vụ)

BỘ/CƠ QUAN NGANG BỘ...

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM...
CỦA BỘ/CƠ QUAN NGANG BỘ...**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA BỘ		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		
1.1	<i>Kế hoạch CCHC năm</i>		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)		Ví dụ: Quyết định số 2362/QĐ-BTTTT, ngày 30/12/2016.
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC		
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC		
1.2	<i>Thực hiện công tác báo cáo CCHC</i>		
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ		
1.3	<i>Kiểm tra công tác CCHC</i>		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm		Ví dụ: Thông báo kết luận số 4518/TB-BNV, ngày 26/9/2016
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
1.4	<i>Công tác tuyên truyền CCHC</i>		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC		
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC		
1.5	<i>Sáng kiến trong cải cách hành chính</i>		
1.6	<i>Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm</i>		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	NHÀ NƯỚC CỦA BỘ		
2.1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</i>		
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt		
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL		
2.2	<i>Theo dõi thi hành pháp luật</i>		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của bộ		
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật		
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật		
2.3	<i>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</i>		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
2.4	<i>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</i>		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
2.5	<i>Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</i>		
2.5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra		
2.5.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
3.1	<i>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</i>		
3.1.1	Tỷ lệ TTHC do bộ tham mưu ban hành được gửi lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình dự thảo theo quy định		
3.1.2	Tỷ lệ TTHC được ban hành trong năm đã được đánh giá tác động		
3.2	<i>Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính</i>		
3.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	giá thủ tục hành chính		
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát		
3.3	<i>Công bố, cập nhật thủ tục hành chính</i>		
3.3.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ		
3.3.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia		
3.4	<i>Công khai thủ tục hành chính</i>		
3.4.1	Niên yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ		
3.4.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ		
3.5	<i>Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định</i>		
3.6	<i>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ</i>		
3.6.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ		
3.6.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH		
4.1	<i>Tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy</i>		
4.2	<i>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)</i>		
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm		
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
4.3	<i>Thực hiện phân cấp quản lý</i>		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành		
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	nước của bộ đã phân cấp cho địa phương		
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vu, Cục, Tổng cục và tương đương)		
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ		
5.3	<i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của bộ</i>		
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức		
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức		
5.4	<i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp vụ và tương đương</i>		
5.5	<i>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức</i>		
5.6	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giản biên chế trong năm</i>		
5.7	<i>Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức</i>		
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
6.1	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>		
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ</i>		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm		
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH		
7.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của bộ</i>		
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT		
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ		
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử		
7.1.4	Áp dụng hình thức thi trên máy tính trong các kỳ thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức		
7.1.5	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc		
7.2	<i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>		
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4		
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích		
7.3	<i>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo</i>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008</i>		
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 tại cơ quan bộ		
7.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (<i>Cục, Tổng cục và tương đương</i>) đã công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO tại đơn vị		
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định		
TỔNG ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ			